

Số: 344/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017 - 2020
của tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 18 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 504/SKHĐT-XTĐT ngày 07/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Căn cứ Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Quảng Ngãi, Thủ trưởng các sở, ban ngành, các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm để tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung, mục tiêu và đạt hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THptth69.



Trần Ngọc Căng

CHƯƠNG TRÌNH

Xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~344~~ **344/QĐ-UBND**
ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Thu hút đầu tư, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng đất có hiệu quả và phát triển bền vững; phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu đầu tư, phát triển của tỉnh. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng đô thị, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, các dự án an sinh xã hội, công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp “xanh”, thân thiện với môi trường; đặc biệt chú trọng thu hút dự án thuộc lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất thay thế sản phẩm nhập khẩu nhằm tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp phụ trợ của tỉnh.

b) Xúc tiến đầu tư không chỉ tập trung vào khu kinh tế, khu công nghiệp mà còn ở vùng nông thôn, miền núi, gắn với sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông nghiệp.

c) Phát triển các khu công nghiệp gắn liền với việc nâng cao vấn đề an sinh xã hội, đặc biệt là đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp của tỉnh nói riêng và tỉnh Quảng Ngãi nói chung.

2. Định hướng thu hút đầu tư

a) Các ngành nghề, lĩnh vực cần tập trung thu hút đầu tư

* Đối với Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi:

- Tập trung thu hút các dự án lọc hóa dầu, các dự án điện - khí, các dự án công nghiệp nặng có qui mô lớn và có nhu cầu gắn với cảng nước sâu và siêu sâu; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp nhẹ sản xuất hàng xuất khẩu nhằm đảm bảo khai thác tối đa lợi thế của cảng biển siêu sâu và phát triển Khu kinh tế Dung Quất đúng định hướng quy hoạch là trung tâm lọc hóa dầu quốc gia, là thành phố công nghiệp. Đồng thời, chú trọng thu hút các dự án dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ vận tải hàng hóa nhằm phát triển Khu kinh tế trở thành trung tâm dịch vụ cảng đáp ứng nhu cầu phát triển của Khu kinh tế.

- Tập trung thu hút các dự án thuộc các ngành sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội ngoại thất, hàng dân dụng, điện tử, lắp ráp cơ khí, thiết bị vận tải, các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; chế biến các loại nông, lâm, hải sản, các sản phẩm sau đường, bao

bì, nhựa, dệt may và sản xuất các loại sản phẩm ít gây ô nhiễm môi trường phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu...

* Đối với Khu phức hợp Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP: Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp nhẹ, sạch, lắp ráp linh kiện điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến,...

* Đối với các khu vực khác (ngoài Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp): Ưu tiên thu hút các dự án thuộc lĩnh vực du lịch, dịch vụ, các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao, dự án phát triển đô thị, các khu dân cư, nhà ở xã hội, dự án về y tế, giáo dục, các dự án công nghiệp chế biến nông sản, dự án sử dụng nhiều lao động... phù hợp với thế mạnh của từng địa phương tạo vành đai cung cấp dịch vụ, nguyên liệu cho KKT Dung Quất và các KCN tỉnh. Đặc biệt, chú trọng thu hút các dự án du lịch, dịch vụ vào huyện Lý Sơn nhằm xây dựng huyện đảo Lý Sơn mạnh về kinh tế du lịch và thủy sản.

b) Các đối tác, nhà đầu tư tiềm năng cần tập trung thu hút đầu tư

- Đối tác tiềm năng: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Đài Loan và mở rộng sang các nước EU, Mỹ.

- Nhà đầu tư nước ngoài giúp kết nối và xúc tiến đầu tư: Tập đoàn Doosan; Ông Ryu Hang Ha - Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam; Tập đoàn Sembcorp (Singapore), Công ty VSIP; Tập đoàn ExxonMobil (Mỹ); Tập đoàn J-Power (Nhật Bản); Tập đoàn JK (Ấn Độ); Tập đoàn KICOX (Hàn Quốc); Tập đoàn JK&D International, Ltd (Mỹ); Hiệp hội xúc tiến ngoại giao nhân dân Nhật Bản (FEC); Tổ chức JETRO Nhật Bản; Tổ chức KOTRA (Hàn Quốc); Công ty Cổ phần Kizuna Quảng Ngãi; Tập đoàn Foster (Nhật Bản); Tập đoàn Sumida (Nhật Bản); Tập đoàn CP, Central (Thái Lan)...

- Nhà đầu tư trong nước: Tìm hiểu nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh của các Doanh nghiệp VNR 500 (nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam), trên cơ sở định hướng thu hút đầu tư của tỉnh, gửi tới các doanh nghiệp VNR 500 danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh để mời gọi các doanh nghiệp VNR 500 tham gia đầu tư tại tỉnh (Tập đoàn Vingroup; Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); Doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng KCN phía Bắc; Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn; Tập đoàn Mường Thanh; Tập đoàn Sungroup; FLC; các doanh nghiệp phía Nam; Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi; Tổng công ty Saigontouris; Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Hiệp hội thủy sản Việt Nam; ...).

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Thu hút được nhiều dự án lớn, quan trọng, tạo sự lan tỏa trong đầu tư, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và từng bước lấp đầy các dự án trong KKT Dung Quất và các KCN của tỉnh, KCN VSIP, góp phần phần đầu đưa tỉnh Quảng Ngãi sớm trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

b) Mục tiêu cụ thể về vốn đầu tư

- Đối với Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh: Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước giai đoạn 2017 - 2020 khoảng từ 2,5 - 3,5 tỷ USD.

- Đối với địa bàn khác (ngoài KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp của tỉnh, khu công nghiệp VSIP): Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước giai đoạn 2017 - 2020 khoảng 15.000 tỷ đồng (khoảng 750 triệu USD).

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Giai đoạn 2017 - 2020, tập trung ưu tiên thu hút những ngành nghề, lĩnh vực như: Các lĩnh vực công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến; Logistics; hạ tầng đô thị; đầu tư kinh doanh cảng biển và dịch vụ hàng hải; đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị; du lịch - dịch vụ; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp nông thôn, chế biến nông sản; các dự án sinh xã hội. Ngoài ra, hàng năm tập trung kêu gọi đầu tư theo chủ đề, lĩnh vực cụ thể để tập trung triển khai nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, cụ thể:

1. Năm 2017 (phụ lục 3.1): Tập trung xúc tiến kêu gọi vào lĩnh vực công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao. Trong đó chú trọng đẩy nhanh tiến độ thực hiện và xúc tiến các dự án lớn có tính lan tỏa như:

- Tích cực hỗ trợ để triển khai nhanh dự án Khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất; đồng thời xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án phụ trợ khác.

- Phối hợp với Tập đoàn Sembcorp nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất.

- Phối hợp với các đơn vị của Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN) lập quy hoạch và phát triển hệ thống phân phối khí (từ mỏ khí Cá Voi Xanh) cung cấp cho các doanh nghiệp trong Khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu đô thị Công nghiệp Dung Quất của Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt, đồng thời phối hợp với nhà đầu tư để xúc tiến kêu gọi các dự án khác vào Khu Đô thị công nghiệp này.

- Phối hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phát triển Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi. Phối hợp chặt chẽ với Công ty VSIP Quảng Ngãi triển khai các hoạt động xúc tiến để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tập trung hỗ trợ sớm hoàn thành các dự án khu đô thị, khu dân cư và dịch vụ; đồng thời xúc tiến các dự án mới theo định hướng phát triển đô thị của tỉnh.

- Hoàn thành các qui hoạch về phát triển du lịch; tập trung xúc tiến các dự án khu du lịch biển mà Quảng Ngãi có lợi thế, đặc biệt kêu gọi các dự án du lịch - dịch vụ tại đảo Lý Sơn.

- Xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời xúc tiến kêu gọi các dự án đầu tư vào lĩnh vực này.

- Khuyến khích và xúc tiến các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Năm 2018 (phụ lục 3.2): Tập trung xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án theo định hướng thu hút đầu tư của tỉnh và phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Phối hợp cùng với Công ty VSIP Quảng Ngãi tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút các dự án đầu tư vào tỉnh nói chung và Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi nói riêng.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng tại KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh, đồng thời có kế hoạch xúc tiến kêu gọi các dự án đầu tư trong lĩnh vực khí, điện khí và công nghiệp hỗ trợ cho lĩnh vực này.

- Xúc tiến mời gọi các dự án phụ trợ phục vụ cho dự án Khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất.

- Phối hợp cùng Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt xúc tiến mời gọi các dự án đầu tư vào Khu Đô thị công nghiệp Dung Quất.

- Kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực Logistic, hạ tầng và dịch vụ cảng, kho bãi...

- Tạo quỹ đất sạch để xúc tiến thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tỉnh.

- Ngoài ra, tiếp tục xúc tiến kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực du lịch - dịch vụ, phát triển nông nghiệp và các lĩnh vực khác theo định hướng phát triển chung của tỉnh.

- Khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

3. Năm 2019 (phụ lục 3.3): Tập trung xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án theo định hướng thu hút đầu tư của tỉnh và đặc biệt các dự án công nghiệp nặng có qui mô lớn khi dự án Khí từ mỏ Cá Voi Xanh được triển khai. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương; các nguồn vốn FDI, ODA và các nguồn vốn khác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Năm 2020 (phụ lục 3.4): Rà soát và tập trung triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch xúc tiến đầu tư đã đề ra. Đồng thời, tập trung xúc tiến thành công một số dự án và đạt chỉ tiêu kế hoạch theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ xúc tiến đầu tư đề ra trong giai đoạn 2017 - 2020, cần triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Hoàn thiện cơ chế quản lý và đổi mới công tác xúc tiến thu hút đầu tư theo hướng thiết thực, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư hạ tầng, nhất là Công ty VSIP Quảng Ngãi nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, các hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng thương mại, hạ tầng phục vụ sản xuất...

- Thu hút đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng du lịch; xây dựng các khu, điểm du lịch; trọng tâm là Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Thiên Đường, Bình Châu, Cà Đam,

Khu văn hóa Thiên Ân. Đặc biệt là thu hút đầu tư vào đảo Lý Sơn, xây dựng Lý Sơn thành đảo du lịch, mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh, là tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc; phấn đấu đến năm 2020, Lý Sơn trở thành điểm du lịch quốc gia, là hạt nhân thúc đẩy phát triển du lịch biển, đảo của tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản trị hành chính cấp tỉnh (PAPI).

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng thiết thực, hiệu quả

- Bên cạnh việc xúc tiến đầu tư truyền thống, cần chú trọng việc xúc tiến đầu tư và hỗ trợ cho các nhà đầu tư tại chỗ để an tâm mở rộng sản xuất, tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin thu hút các nhà đầu tư mới.

- Tổ chức tiếp xúc trực tiếp để xúc tiến các nhà đầu tư lớn, qua đó ký kết các biên bản ghi nhớ với nhà đầu tư. Tổ chức các đợt xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm và kêu gọi cụ thể từng lĩnh vực và nhà đầu tư cụ thể.

- Cách thức xúc tiến, hỗ trợ nhà đầu tư: giúp nhà đầu tư từ A-Z (từ lúc kết nối, gặp gỡ, hình thành ý tưởng, tư vấn cho nhà đầu tư, hướng dẫn thủ tục và giải quyết hồ sơ cho đến bước cấp Quyết định chủ trương đầu tư. Đồng thời, hỗ trợ nhà đầu tư kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án sau cấp phép đầu tư).

- Xây dựng các danh mục dự án kêu gọi đầu tư và chủ động "gỡ cửa" để xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với các nhà đầu tư lớn, có tiềm lực về tài chính, các nhà đầu tư có thương hiệu trong chuỗi giá trị quốc gia hoặc toàn cầu. Đặc biệt, chú trọng và có chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào các lĩnh vực như hạ tầng Cụm công nghiệp, Khu Công nghiệp, gắn mô hình Khu đô thị - Khu công nghiệp để hỗ trợ cho nhau và gắn với việc phát triển đô thị.

- Tiếp tục củng cố, cải tiến và hoàn thiện cơ chế "một cửa, một đầu mối" nhằm giải quyết các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư với thời gian ngắn nhất.

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và hỗ trợ Nhà đầu tư triển khai các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn, có tính chất động lực phát triển KKT Dung Quất để tạo bước đột phá về triển khai đầu tư tại KKT Dung Quất. Đồng thời, kiên quyết thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư của các dự án mà chủ đầu tư không còn khả năng thực hiện để lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực tiếp tục thực hiện dự án.

2. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tuyên truyền

- Tiếp tục xây dựng và cập nhật các tài liệu xúc tiến đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư.

- Tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương, địa phương; trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và thông qua các diễn đàn, các hội thảo nhằm giới thiệu về tiềm năng, thế

mạnh và chính sách thu hút đầu tư của tỉnh cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước biết để có kế hoạch và hướng đầu tư vào tỉnh.

- Chuẩn bị tốt cơ sở dữ liệu và thông tin bằng nhiều ngôn ngữ Anh-Hàn-Nhật-Hoa để cung cấp cho nhà đầu tư, đặc biệt là xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên sâu theo từng nhóm ngành hay lĩnh vực, cơ sở dữ liệu quy hoạch như: Quy hoạch ngành, quy hoạch Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, quy hoạch Khu công nghiệp VSIP, quy hoạch thành phố Vạn Tường và thành phố Quảng Ngãi... Hàng năm, xây dựng bảng thông tin tóm tắt cho từng dự án theo thứ tự ưu tiên trong danh mục dự án được tỉnh khuyến khích đầu tư (project profile). Đổi mới phương pháp xây dựng nội dung thông tin theo hướng ngắn gọn, thiết thực, cụ thể. Đổi mới hình thức thể hiện thông tin dưới nhiều dạng: catalogue giấy, e-brochure, phim, phóng sự, slides... để thuận tiện cho đối tượng sử dụng và hiện đại hóa phương tiện quảng bá.

- Chú trọng sử dụng các ứng dụng internet và kết nối website để quảng bá cơ hội đầu tư, dần dần phát triển thành kênh liên lạc cơ bản và hiệu quả đảm bảo thông tin nhanh, kịp thời cho nhà đầu tư.

- Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm để chủ động hoặc phối hợp với các bộ, ngành trung ương tăng cường công tác quảng bá, tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để giới thiệu, trao đổi nhằm mời gọi đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà KKT Dung Quất có nhiều lợi thế.

- Thiết lập và phát triển các mối quan hệ với một số tổ chức, hiệp hội tư vấn trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài và các trung tâm kinh tế lớn nhằm tiếp cận, cung cấp thông tin và tổ chức tiếp xúc trao đổi trực tiếp với nhà đầu tư.

- Cần thực hiện tốt và có kế hoạch hợp tác trao đổi thông tin giữa Quảng Ngãi với các tỉnh, thành phố ở nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài và sự phối hợp với cộng đồng người Việt và người Quảng Ngãi ở nước ngoài làm cầu nối để thiết lập, thúc đẩy và mở rộng các quan hệ kinh tế giữa Quảng Ngãi với đối tác nước ngoài nhằm quảng bá tốt hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của Quảng Ngãi để xúc tiến kêu gọi đầu tư.

3. Nhóm giải pháp xúc tiến đầu tư theo ngành nghề và quốc gia

- Tập trung xúc tiến những ngành nghề, lĩnh vực mà KKT Dung Quất có lợi thế so sánh, đặc biệt là các ngành nghề liên quan đến sử dụng cảng biển nước sâu, các dự án có nhu cầu sử dụng quỹ đất rộng, các dự án gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ.

- Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất I; thu hút các dự án phát triển cảng biển và hệ thống Logistic; thu hút các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng ở KCN phía Tây, KCN Bình Hòa - Bình Phước; định hướng thu hút các dự án công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với Tổ hợp cảng nước sâu Dung Quất II.

- Tăng cường thu hút đầu tư các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến; từng bước hình thành một số ngành công nghiệp hỗ

trợ (linh kiện phụ tùng, bán thành phẩm thay thế, vật liệu phụ kiện cho công đoạn tạo sản phẩm cuối cùng ngành may mặc, giày dép...); thu hút công nghiệp nhẹ tại các KCN, đặc biệt là KCN VSIP Quảng Ngãi để nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm công nghiệp trên địa bàn KKT Dung Quất và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Phối hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và các đơn vị liên quan để xác định danh mục các dự án hóa dầu - hóa chất gắn với dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Tổ hợp khí điện, phối hợp với Doosan Vina để thu hút các dự án cơ khí phụ trợ ...

- Phối hợp với VSIP và các doanh nghiệp đầu tư KCN thu hút các dự án công nghiệp có xu hướng chuyển dịch từ các KCN phía Nam ra miền Trung vào các KCN VSIP Quảng Ngãi và các KCN khác.

- Tập trung xúc tiến đến những quốc gia có lợi thế công nghiệp phù hợp với lợi thế so sánh của KKT Dung Quất và đang có nguồn vốn đầu tư mạnh vào Việt Nam cũng như với Dung Quất như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, EU, Mỹ,....

- Tăng cường quảng bá thu hút các dự án trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, các dự án lĩnh vực nông nghiệp và phát triển kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao, dự án phát triển đô thị, các khu dân cư, nhà ở xã hội. Đặc biệt, chú trọng thu hút các dự án du lịch, dịch vụ vào huyện Lý Sơn nhằm xây dựng huyện đảo Lý Sơn mạnh về kinh tế du lịch và thủy sản.

4. Huy động nguồn lực phát triển hạ tầng, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất sạch

- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư của Nhà nước với huy động mạnh các nguồn vốn của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển hạ tầng KKT Dung Quất như phát triển giao thông, cảng biển, cung cấp điện, cấp nước... bằng các hình thức hợp lý, linh hoạt.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP); cơ chế hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; cơ chế khuyến khích xã hội hóa trên một số lĩnh vực, đồng thời tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế thực sự hấp dẫn, sử dụng nguồn lực của Nhà nước như “vốn môi” để động viên thu hút rộng rãi các nguồn vốn trong xã hội tham gia đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giám tái cho khu vực công và giảm áp lực cho ngân sách Nhà nước.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn có tính chất nhà nước của tỉnh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng.

- Nghiên cứu đề xuất vốn trái phiếu Chính phủ, cơ chế ứng trước ngân sách Trung ương, Ngân sách tỉnh, huy động trái phiếu địa phương, kêu gọi ODA... để đầu tư kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển KKT Dung Quất.

- Từng bước khai thác nguồn vốn từ quỹ đất để tạo nguồn thu bổ sung đầu tư trở lại cho kết cấu hạ tầng phát triển đô thị mới Vạn Tường và các khu đô thị khác nằm trong KKT Dung Quất.

- Tập trung các nguồn lực, nguồn vốn khác nhau để triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch; trước mắt, tập trung hoàn thành để bàn giao cho nhà đầu tư triển khai xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, bồi thường bàn giao đất giai đoạn tiếp theo cho VSIP, định hướng mặt bằng cho Tổ hợp điện khí...

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất kinh doanh là một trong những giải pháp quan trọng để thu hút nguồn lực cho đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, cần tiếp tục rà soát, xây dựng quy định trình tự, thủ tục và nhất là cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế... công khai hóa các quy trình và rút ngắn thời gian làm thủ tục cho thuê đất, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng, kết nối với các tổ chức tín dụng, hỗ trợ xúc tiến thương mại tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ... tiến đến áp dụng thực hiện mô hình dịch vụ hành chính công để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.

- Tạo môi trường đầu tư minh bạch, nhất là chính sách về đất đai, quy hoạch, danh mục dự án kêu gọi đầu tư... Bên cạnh đó, đồng hành cùng với nhà đầu tư từ bước tìm kiếm ý tưởng, khởi sự và xây dựng dự án. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển biến nhận thức và tạo hình ảnh mới về phong cách phục vụ doanh nghiệp, thông qua các hoạt động hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhanh chóng kịp thời, bảo vệ lợi ích chính đáng cho nhà đầu tư bằng những cam kết cụ thể của chính quyền địa phương.

- Thành lập Trung tâm Hành chính công của tỉnh; tổ chức tiếp nhận và xử lý công việc cho nhà đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông, hiệu quả và đúng pháp luật; cải cách thủ tục hành chính, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành trong quy trình giải quyết các thủ tục đầu tư theo hướng nhanh gọn và tập trung.

- Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm triển khai thực hiện dự án đầu tư và đưa dự án vào hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 08/11/2016 của UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Quảng Ngãi.

- Kiện toàn, củng cố bộ phận xúc tiến đầu tư và đổi mới, nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư.

6. Cung ứng nguồn nhân lực: Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, có tác phong công nghiệp. Rà soát, sắp xếp, đổi mới hoạt động các cơ sở dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn. Làm tốt công tác dự báo, kết nối cung - cầu lao động để định hướng ngành nghề đào tạo trong tỉnh, liên kết đào tạo với các cơ sở ngoài tỉnh, kết nối giữa các trường đào tạo trong nước với doanh nghiệp tại địa phương, bảo đảm nguồn cung lao động ổn định. Chủ động hướng dẫn, phối hợp xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp.

7. Ngoại giao kinh tế: Tiếp tục thực hiện tốt công tác ngoại giao kinh tế, gắn các hoạt động ngoại giao với các hoạt động hợp tác kinh tế nhằm tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh. Tranh thủ sự giúp đỡ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, Tham tán kinh tế phụ trách công tác xúc tiến đầu tư tại các Đại sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, nhà đầu tư..., để vận động thu hút đầu tư vào tỉnh.

8. Thực hiện tốt các nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư theo Quyết định 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ

- Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư: Tích cực tham gia các đoàn khảo sát, nghiên cứu, hội nghị, hội thảo trong nước và tại nước ngoài do Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

- Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư: Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2016-2020, hằng năm tiến hành rà soát và bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư và xây dựng thông tin chi tiết về dự án (project profile) để làm cơ sở cho việc kêu gọi các nhà đầu tư.

- Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư: cần được đổi mới về hình thức và nội dung đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin phục vụ cho công tác tuyên truyền, quảng bá thu hút đầu tư, đồng thời đáp ứng được yêu cầu khai thác của nhà đầu tư.

- Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư: Hằng năm phối hợp với Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư của các sở, cơ quan và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư: Tăng cường hoạt động hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp nhằm tích cực hỗ trợ nhà đầu tư từ khâu tìm hiểu cơ hội đầu tư, chính sách ưu đãi đến giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư. Trong trường hợp cần thiết, đối với các dự án đầu tư quy mô lớn, có

nội dung phức tạp, các sở, ngành và địa phương liên quan phối hợp thành lập tổ công tác để hỗ trợ trong quá trình xúc tiến đầu tư (nghiên cứu, thành lập hồ sơ, triển khai các thủ tục), hỗ trợ triển khai dự án đầu tư.

IV. DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020: Chi tiết tại Phụ lục số 01 và 02 đính kèm Quyết định này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự trù kinh phí cho các hoạt động xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017-2020 khoảng 11,868 tỷ đồng; trong đó, năm 2017 khoảng 3,448 tỷ đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Hoặc Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, thương mại, du lịch tỉnh Quảng Ngãi sau khi được thành lập): Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư, có trách nhiệm đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình này.

Tổng hợp chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm của các cơ quan, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và gửi xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25/8. Đồng thời, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định đề xuất kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư hằng năm của các đơn vị.

Chủ động phối hợp với Công ty VSIP Quảng Ngãi và các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng để tổ chức các hoạt động xúc tiến, đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư vào tỉnh. Kết nối với Cục Đầu tư nước ngoài, các Trung tâm Xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức xúc tiến trong và ngoài nước tổ chức quảng bá, tuyên truyền để xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh.

Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và theo hướng dẫn hoạt động xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách để đảm bảo kinh phí thực hiện chương trình theo từng năm, phù hợp với khả năng cân đối của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách phục vụ các hoạt động xúc tiến đầu tư hằng năm của các đơn vị.

3. Sở Ngoại vụ

Tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao mở rộng các quan hệ hợp tác, thu hút đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao kinh tế; duy trì, phát triển quan hệ hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam. Phối hợp tham gia công tác xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và du lịch; cung cấp thông tin, hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp trong tỉnh mở rộng quan hệ hợp tác với các nước.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành liên quan và các Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, tập trung thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh.

Hàng năm, xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/7 để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét.

5. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Tăng dung lượng và thời lượng giới thiệu hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan truyền thông Trung ương thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư vào tỉnh.

6. Các sở, ban ngành và UBND huyện, thành phố

- Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác xúc tiến thu hút đầu tư và hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư tại Quảng Ngãi.

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan (nếu có) theo danh mục các dự án kêu gọi đầu tư ban hành kèm theo chương trình này, để làm cơ sở thu hút đầu tư.

Căn cứ Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh, các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện và chủ động xây dựng các hoạt động xúc tiến đầu tư hàng năm; đồng thời, rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/7 hàng năm để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét. Trên cơ sở kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai cụ thể các nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện đúng nội dung, mục tiêu và đạt hiệu quả./.




Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| I | KHU KINH TẾ DUNG QUẤT VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH | | | |
| A | Lĩnh vực công nghiệp - công nghiệp nặng: | | | |
| 1 | Nhà máy điện khí (từ mỏ khí Cá Voi Xanh) | 1.200MW-2.400MW | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 2 | Các dự án hóa dầu, hóa chất | 1.000.000 tấn/năm | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 3 | Các dự án công nghiệp phụ trợ | 300 ha | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 4 | Các nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị siêu trường, siêu trọng | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 5 | Sản xuất kim loại và gia công thép | 1 triệu tấn/năm | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 6 | Sản xuất ván ép nóng (MDF) | 100.000 m ³ /năm | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 7 | Các dự án sản xuất linh kiện điện tử | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 8 | Sản xuất điện dân dụng, thiết bị, vật liệu điện đa dụng | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 9 | Các dự án hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho dự án năng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất | Theo dự án | KKT Dung Quất | Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 10 | Nhà máy sản xuất vật tư, hóa chất xúc tác phục vụ nhà máy lọc dầu Dung Quất | Theo dự án | KKT Dung Quất | Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn |
| B | Lĩnh vực Xây dựng - công nghiệp nhẹ - điện tử - May mặc - Chế biến: | | | |
| 11 | Các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp | 500-700 ha | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 12 | Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phố Phong và Đồng Dinh | Theo dự án | Huyện Đức Phổ và huyện Nghĩa Hành | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 13 | Đầu tư các khu nhà ở cho công nhân; phát triển đô thị | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 14 | Phát triển Logistic, hạ tầng cảng biển | Cho tàu 3-5 vạn DWT | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 15 | Các dự án sản xuất sợi, dệt, nhuộm, may mặc, giày da | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 16 | Sản xuất chế biến thức ăn gia súc, gia cầm | Theo dự án | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 17 | Sản xuất chế biến thực phẩm, nước giải khát | Theo dự án | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 18 | Sản xuất vật liệu xây dựng | Theo dự án | KCN Tỉnh Phong KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 19 | Sản xuất thiết bị cơ khí chính xác, thiết bị phụ trợ cho lắp ráp ô tô | Theo dự án | KCN Tỉnh Phong KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 20 | Sản xuất máy tính, điện thoại di động, thiết bị kết nối thông tin và điện tử khác | Theo dự án | KCN Tỉnh Phong KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------------------|
| 21 | Công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống, chế biến nông lâm thủy sản | Theo dự án | KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 22 | Sản xuất chất đốt sinh học | Theo dự án | KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 23 | Dệt, may, giày, da | Theo dự án | KCN Tịnh Phong, KCN Phố Phong | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| C | Lĩnh vực đô thị - du lịch - dịch vụ | | | |
| 24 | Đầu tư Khu đô thị Dốc Sỏi | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 25 | Khu đô thị Vạn Tường | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 26 | Khu du lịch sinh thái Vạn Tường | 150 ha | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 27 | Khu du lịch nghỉ dưỡng Bình Châu | | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 28 | Đầu tư kinh doanh sân golf | 114 ha | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 29 | Các dự án kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực tài chính tham gia vào công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn | Theo dự án | KKT Dung Quất | Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn |
| D | Lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao | | | |
| 30 | Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | 300 ha | KKT Dung Quất | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| II | CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP | | | |
| A | Lĩnh vực Xây dựng - công nghiệp | | | |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 31 | Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp (Đã có quy hoạch nhưng chưa đầu tư xây dựng) | Theo quy hoạch được duyệt | CCN tại các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, TP Quảng Ngãi (Tỉnh Kỳ) | UBND các huyện |
| 32 | Nhà máy may | Theo dự án | CCN tại các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành | UBND các huyện |
| 33 | Nhà máy chế biến thủy hải sản | Theo dự án | xã Tịnh Kỳ - TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 34 | Nhà máy chế biến nông lâm sản | Theo dự án | Các CCN các huyện, TP | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 35 | Nhà máy chế biến gỗ MDF | Theo dự án | Các CCN các huyện, TP | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 36 | Nhà máy sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | Theo dự án | Các CCN tại các huyện, thành phố | BQL các cụm công nghiệp các huyện, thành phố |
| B | Lĩnh vực dịch vụ | | | |
| 37 | Đầu tư dịch vụ hậu cần nghề cá | Theo dự án | Cụm CN xã Tịnh Kỳ - TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| III | ĐỊA BÀN NGOÀI KKT DUNG QUÁT, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP | | | |
| A | Lĩnh vực Xây dựng - công nghiệp, chế biến | | | |
| 38 | Nhà máy chế biến hành, tỏi | 2.000 tấn/năm | Huyện Lý Sơn | UBND huyện Lý Sơn |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 39 | Xây dựng cơ sở chăn nuôi và giết mổ thịt gia súc, gia cầm tập trung | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện trong tỉnh (theo quy hoạch) | UBND các huyện trong tỉnh |
| 40 | Nhà máy gia công chế biến chuối | 5.000 tấn/năm | Thôn Trà Dinh, xã Trà Lãnh | UBND huyện Tây Trà |
| 41 | Nhà máy chế biến mực đại dương (mực xà) | 2 ha; Sản lượng 1.000 tấn/năm | Huyện Bình Sơn (Theo quy hoạch) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 42 | Nhà máy chế biến muối chất lượng cao | 5.000 tấn/năm | Xã Phố Thạnh, huyện Đức Phổ | UBND huyện Đức Phổ |
| B | Lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng | | | |
| 43 | Sản xuất rau an toàn đạt chứng nhận VIETGAP | Theo dự án | Các vùng nằm trong quy hoạch trồng rau an toàn | UBND các huyện, thành phố |
| 44 | Sản xuất lúa giống | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện trong tỉnh | UBND các huyện trong tỉnh |
| 45 | Xây dựng cánh đồng lớn | 100 ha, xã Bình Dương | Huyện Bình Sơn | UBND huyện Bình Sơn |
| 46 | Dự án nuôi tôm tập trung | Xã Nghĩa Hòa: 89 ha, xã Phố Khánh: 37 ha, xã Đức Minh: 40 ha | Các huyện: Tư Nghĩa, Đức Phổ, Mộ Đức | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 47 | Dự án nuôi thủy sản lồng theo công nghệ Na Uy vùng ven đảo Lý Sơn | 6-8 lồng, mỗi lồng có dung tích từ 1,000 - 2,500 m ³ | huyện Lý Sơn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 48 | Dự án chuyển giao công nghệ sản xuất giống, du nhập giống thủy sản mới | 1 tỷ con giống | huyện Mộ Đức | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|----------------------------------------|
| 49 | Khu dịch vụ hậu cần nghề cá | Theo dự án | TP Quảng Ngãi và huyện Đức Phổ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 50 | Dự án trang trại chăn nuôi chất lượng cao | Theo dự án | Tại các huyện | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| C | Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ - Khu đô thị, khu dân cư | | | |
| 51 | Khu dân cư phía Bắc đường Mỹ Trà - Mỹ Khê | 10 ha | Xã Tịnh An | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 52 | Khu đô thị nghỉ dưỡng bờ Tây sông Kinh | 30 ha | Tịnh Khê | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 53 | Khu thương mại - dịch vụ dọc đường bờ Nam sông Trà Khúc | 5 ha | Xã Nghĩa Dũng | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 54 | Khu đô thị trung tâm xã Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng | 20 ha | Xã Nghĩa Đông và Nghĩa Dũng | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 55 | Khu dân cư đường Nguyễn Du và đường Bắc Sơn | 10,3 ha | Phường Nghĩa Chánh | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 56 | Khu dân cư và dịch vụ phía Nam trường Đại học Phạm Văn Đồng | 13,5 ha | Phường Chánh Lộ | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 57 | Khu dân cư phía Bắc đường Trường Chinh | 3 ha | Phường Nghĩa Lộ | UBND Thành phố Quảng Ngãi |
| 58 | Trung tâm thương mại Đốc Sỏi | 21.000 m ² | Khu đô thị Đốc Sỏi | UBND huyện Bình Sơn |
| 59 | Xây dựng siêu thị mini | Theo dự án | Tại một số huyện và huyện Lý Sơn | Sở Kế hoạch và Đầu tư |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------|
| 60 | Khách sạn tiêu chuẩn 4 sao, 5 sao | Theo dự án | Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 61 | Trung tâm thương mại | 11.000 m ² | Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 62 | Tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, showroom giới thiệu sản phẩm | 18.200 m ² | Xã Tịnh Ấn Đông, Thành phố Quảng Ngãi | Sở Công thương |
| 63 | Các dự án phát triển Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn | Theo dự án | Các huyện Bình Sơn, Lý Sơn và Thành phố Quảng Ngãi | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 64 | Xây dựng mới chợ | | Tại địa bàn các huyện, TP trong tỉnh | UBND các huyện trong tỉnh |
| D | Lĩnh vực du lịch | | | |
| 65 | Khu du lịch đảo Lý Sơn | 74,77 ha | Huyện Lý Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 66 | Khu du lịch Sa Huỳnh | 158 ha | Huyện Đức Phổ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 67 | Khu du lịch nghỉ dưỡng Thạch Bích | 200 ha | Huyện Trà Bồng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 68 | Khu du lịch văn hóa Thiên Ân | 67,4 ha | Xã Tịnh Ấn Đông | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 69 | Khu du lịch Đặng Thùy Trâm | 104,8 ha | Huyện Đức Phổ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 70 | Khu du lịch sinh thái Cà Đam | 266 ha | Huyện Trà Bồng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 71 | Khu du lịch Thạch Nham | 10 ha | Xã Sơn Nham | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 72 | Khu sinh thái Hồ Tôn Dung | 20 ha | Thị trấn Ba Tơ, huyện ba Tơ | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 73 | Khu du lịch sinh thái Vực Bà | 100 ha | Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 74 | Khu sinh thái Suối Mơ | 50 ha | Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 75 | Điểm du lịch Gành Yến | 15 ha | Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 76 | Khu du lịch sinh thái Hồ Nước Trong | | Huyện Trà Bồng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 77 | Khu du lịch sinh thái Vạn Tường | 150 ha | Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 78 | Khu du lịch sinh thái Suối Chít | 30 ha | Xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 79 | Điểm du lịch Chùm di tích tâm linh Điện Trùng Bà, Hang Đá Bà, Lăng Bạch Hồ | 15 ha | Xã Trà Thủy, TT Trà Xuân | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 80 | Khu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Sa Huỳnh tại Đầm An Khê | 320 ha | Xã Phổ Khánh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| E | Lĩnh vực xã hội hóa | | | |
| I | Lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: | | | |
| 81 | Khu Thể dục - Thể thao | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện và TP.Quảng | UBND các huyện, thành phố |
| 82 | Khu Liên hợp Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Ngãi | Sân vận động: Diện tích xây dựng: 15.520,0 m ² , với tổng diện tích sân 35.070,0m ² , khán đài: 20.300 chỗ ngồi. Bể bơi: Diện tích XD 5.300,9m ² , với tổng diện tích sân 7.400,0m ² , khán đài 1.150 chỗ ngồi. Nhà tập luyện đa năng: Diện tích XD: 5.670,7m ² , với tổng diện tích sân 8.050,0m ² , khán đài 2.025 chỗ ngồi. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật kèm theo: Quảng trường, cây xanh, giao thông | TP.Quảng Ngãi | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| II | Lĩnh vực y tế: | | | |
| 83 | Bệnh viện tư nhân | 4 ha | Phường Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi | Sở Y tế |
| 84 | Nhà máy sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế | | KKT Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| III | Lĩnh vực môi trường: | | | |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----------|-----------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------|
| 85 | Khu chôn lấp, xử lý chất thải rắn | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện trong tỉnh | UBND các huyện trong tỉnh |
| IV | Lĩnh vực giáo dục: | | | |
| 86 | Trường Mầm non | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện và TP. Quảng Ngãi | Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố |
| 87 | Trường Tiểu học | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện và TP. Quảng Ngãi | Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố |
| 88 | Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông | Theo dự án | Tại địa bàn các huyện và TP. Quảng Ngãi | Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố |
| 89 | Trường Trung cấp nghề | 3,71 ha | Phường Chánh Lộ | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố |

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀO TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2017-2020
 (Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 2/15/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| STT | Tên dự án | Quy mô diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|---------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------------------|
| 1 | Nhà máy điện khí (từ mỏ khí Cá Voi Xanh) | 1.200MW-2.400MW | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 2 | Các dự án hóa dầu, hóa chất | 1.000.000 tấn/năm | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 3 | Các dự án công nghiệp phụ trợ | 300 ha | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 4 | Sản xuất kim loại và gia công thép | 1 triệu tấn/năm | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 5 | Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | 300 ha | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 6 | Các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp | 500-700 ha | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 7 | Phát triển Logistic, hạ tầng cảng biển | Cho tàu 3-5 vạn DWT | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 8 | Các dự án sản xuất linh kiện điện tử | | KKT Dung Quất KCN Tịnh Phong | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 9 | Sản xuất điện dân dụng, thiết bị, vật liệu điện đa dụng | | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 10 | Các dự án sản xuất sợi, dệt, may mặc, giày da | | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |

| STT | Tên dự án | Quy mô, diện tích | Địa điểm thực hiện | Cơ quan đề xuất |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 11 | Sản xuất, chế biến thực phẩm, nước giải khát | | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 12 | Đầu tư Khu du lịch, đô thị - nghỉ dưỡng | | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 13 | Các dự án phát triển Công viên địa chất toàn cầu | | huyện Bình Sơn và Lý Sơn, TP.Quảng Ngãi | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 14 | Khu du lịch đảo Lý Sơn | 74.7 ha | Huyện Lý Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 16 | Khu du lịch sinh thái Cà Đam | 265 ha | Huyện Trà Bồng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 17 | Khách sạn tiêu chuẩn 4 sao, 5 sao | | Phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 18 | Trung tâm Thương mại | 11.000m ² | Phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 19 | Đầu tư kinh doanh sân golf | 114 ha | KKT Dung Quất | Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh |
| 20 | Đầu tư xây dựng mới 3 nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (chuyên xuất khẩu và tiêu thụ nội địa) | 3.000 tấn/năm | TP.Quảng Ngãi và xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 21 | Nhà máy chế biến thủy hải sản | Theo dự án | Cụm CN xã Tịnh Kỳ - TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 22 | Đầu tư khu dịch vụ hậu cần nghề cá | | xã Tịnh Kỳ - TP Quảng Ngãi | Sở Kế hoạch và Đầu tư |

PHỤ LỤC 03
BẢNG TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG NGUYỄN MIỀN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2017 - 2020
 (Kèm theo Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi, ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mức độ nội dung của hoạt động | Ngành/tĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ cấu triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|----------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | |
| 1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư | | | | | | | | | | | 193 | 0 | 0 | | | | |
| 1.1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II,III /2017-2020 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp nặng, điện tử, hạ tầng logistics | Hàn Quốc, Nhật Bản | | | | KOTRA, JETRO | | VSIP | 93 | | |
| 1.2 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II,III /2017-2020 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp hỗ trợ, may mặc, điện tử | Singapore, Đài Loan | | | | | | VSIP | 45 | | |
| 1.3 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, xu hướng và đối tác đầu tư trong nước | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý I,II /2017-2020 | | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch | TP, HCM, Hà Nội, Bình Dương, Đà Nẵng | | | | | | | 55 | | |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 480 | | | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ lĩnh vực/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 2.1 | Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thông tin qua website Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thuê webhosting lưu trữ thông tin website riêng của Trung tâm. | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Cập nhật thông tin về chính sách, môi trường đầu tư, tiềm năng lợi thế, các thông tin về tình hình đầu tư. | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Các nhà đầu tư trong và ngoài nước | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 320 | | |
| 2.2 | Cập nhật thông tin bổ sung vào bộ cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Cập nhật thông tin về tiềm năng, lợi thế, chính sách ưu đãi, chi phí đầu tư của KKT Dung Quất | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | BQL KKT Dung Quất và các KCN nh và các đơn vị liên quan | | | | 160 | | |
| 3 | Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư | | | | | | | | | | | 295 | | | | | |
| 3.1 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư hàng năm | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 95 | | |
| 3.2 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư giai đoạn 2017-2020 | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, xã hội hóa | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 200 | | |
| 4 | Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 760 | | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/tỉnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTTT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 4.1 | Xây dựng, cập nhật và in ấn tư liệu quảng bá thông tin về đầu tư: tờ rơi, catalogue, đĩa sơ mi, túi xách, tập gấp về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và nhân bản địa phim giới thiệu về tỉnh | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017-2020 | x | | Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | | | | 520 | | |
| 4.2 | Dịch thuật tài liệu sang tiếng Anh, Hàn, Nhật và in ấn tài liệu (mẫu) để phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư | Công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ | Đối tác nước ngoài | | TT D.vụ đối ngoại Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Q.Ngãi, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 160 | | |
| 4.3 | Xây dựng, in ấn tóm tắt profile các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng các thứ tiếng Việt-Anh-Nhật-Hàn | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017-2020 | x | | Giới thiệu chi tiết các dự án kêu gọi đầu tư tại tỉnh cung cấp cho nhà đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | | | | 80 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/tính vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5 | Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư. | | | | | | | | | | | 7.864 | | 2.300 | | | |
| 5.1 | Phối hợp tổ chức đi xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài | 2017-2020 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017-2020 | | Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Điện khí. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, phụ trợ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử | Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | Tổ chức xúc tiến ngoại giao nhân dân Nhật Bản (FEC), JETRO, KOTRA | Công ty Hoàng Thịnh Đạt | VSIP | 950 | | 1.400 |
| 5.2 | Tham dự hội nghị xúc tiến đầu tư tại nước ngoài theo chương trình của các Bộ, ngành trung ương | 2017-2020 | Các Bộ, ngành trung ương | 2017-2020 | | Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Lọc-hóa dầu. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, công nghiệp nặng gắn với cảng nước sâu; hàng tiêu dùng | Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan | | các Bộ, ngành trung ương, Sở KH và ĐT; BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | KOTRA | VSIP, Doosan | 1.000 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/tỉnh/vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ trên khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (BVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (BVT: triệu đồng) | Chương trình XTBT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.3 | Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Quảng Ngãi | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017-2020 | TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Ngãi | | Quảng bá tiềm năng và kêu gọi đầu tư vào Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan, TTXTBT Miền Trung | KOTRA, JETRO | Công ty Hoàng Thịnh Đạt | VSIP | 2.500 | | 800 |
| 5.4 | Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh. | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017-2020 | Quảng Ngãi | | Phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh và giải pháp cải thiện | | | | VCCI và các đơn vị liên quan | | | | 571 | | |
| 5.5 | Tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư trong nước để kêu gọi đầu tư vào tỉnh | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM... | | Tiếp xúc trực tiếp để mời gọi đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành liên quan | | | VSIP | 371 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.6 | Tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các diễn đàn, sự kiện, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, hội chợ trong nước về công tác xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | | Các tỉnh thành trong nước | Giới thiệu các thông tin về tình hình đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành trong tỉnh | JETRO, KOTRA | VSIP | 582 | | | |
| 5.7 | Tham dự diễn đàn M&A 2017 | Quý III /2017 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2017 | TP.Hồ Chí Minh | | Xúc tiến, mời gọi đầu tư vào tỉnh | Xây dựng, dịch vụ, thương mại | TP.Hồ Chí Minh | | Sở kế hoạch và Đầu tư, BQL | | | 50 | | | |
| 5.8 | Tham dự Hội nghị XTĐT Hàn Quốc vào khu vực miền Trung - Tây Nguyên | Quý I/2017 và quý I/2020 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3/2017 và tháng 3/2020 | Đà Nẵng | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Năng lượng, may mặc | Hàn Quốc | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | VSIP | 20 | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/tỉnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/tỉnh/vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.9 | Quảng bá thông tin đầu tư Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Quảng bá thông tin, hình ảnh về tỉnh Quảng Ngãi | Hạ tầng, công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ, du lịch, Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Đài PTTH tỉnh, các Báo: Đầu tư, Diễn đàn doanh nghiệp, Công thương | JETRO, KOTRA | | | 1.500 | | 100 |
| 5.10 | Mua quà tặng, đồ lưu niệm, logo quảng bá phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Phục vụ công tác XTĐT và làm quà tặng cho đối tác, nhà đầu tư,... | | Trong và ngoài nước | | | | | | 320 | | |
| 6 | Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 600 | | |
| 6.1 | Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tăng cường về công tác quản lý và xúc tiến đầu tư | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | | Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi | Nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ | | | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 480 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 6.2 | Tổ chức Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác xúc tiến đầu tư | Quý III/2017 và quý III/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III/2017 và quý III/2019 | x | | Học hỏi kinh nghiệm | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 120 | | |
| 7 | Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ triển khai các dự án trước và sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư | | | | | | | | | | | 1.451 | | | | | |
| 7.1 | Tổ chức đón, tiếp, đưa đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh tìm kiếm cơ hội đầu tư, đi khảo sát, giới thiệu địa điểm | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 | x | | Hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, giới thiệu địa điểm | Tất cả các lĩnh vực | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 1.185 | | |
| 7.2 | Triển khai chương trình "Cà phê doanh nhân" | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2017-2020 (01 lần /tháng) | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | x | | | 114 | | |
| 7.3 | Tổ chức hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II và III/2017-2020 | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 152 | | |
| 8 | Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 225 | | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/nhà vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/tỉnh/vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kiểu phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/cơ quan trong nước | Tổ chức/cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTBT Quốc gia | Khác (thi trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 8.1 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác với các tỉnh của Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào | 2017-2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III/2017-2020 | | | Củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào | Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch, dịch vụ | Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào | | Số Ngoại vụ | | | | 225 | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | 11.868 | | 2.300 |

PHỤ LỤC 3.1

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG XÉT TIÊN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2017
 (Kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Loại hoạt động xét tiên đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Nội dung hoạt động | Đơn vị/ Đơn vị kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư | | | | | | | | | | | 68 | 0 | 0 | | | | |
| 1.1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, may mặc, điện tử | Hàn Quốc | | | | KOTRA | | | 20 | | |
| 1.2 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2017 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nặng, điện tử, hạ tầng logistics | Nhật Bản | | | | JETRO | | | 23 | | |
| 1.3 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, xu hướng và đối tác đầu tư trong nước | Quý III /2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2017 | | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch | TP, HCM, Hà Nội, Bình Dương, Đà Nẵng | | | TT XTĐT Miền Trung | | | | 25 | | |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xét tiên đầu tư | | | | | | | | | | | 130 | 0 | 0 | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 2.1 | Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thông tin qua website Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thuê webhosting lưu trữ thông tin website riêng của Trung tâm. | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật thông tin về chính sách, môi trường đầu tư, tiềm năng lợi thế, các thông tin về tình hình đầu tư. | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Các nhà đầu tư trong và ngoài nước | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 80 | | |
| 2.2 | Cập nhật thông tin bổ sung vào bộ cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật các thông tin về tiềm năng, lợi thế, chính sách ưu đãi, chi phí đầu tư của KKT Dung Quất | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh và các đơn vị liên quan | | | | 50 | | |
| 3 | Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư | | | | | | | | | | | | 220 | 0 | 0 | | |
| 3.1 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư năm 2017 | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 20 | | |

| STT | Loại hoạt động xác tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cần cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 3.2 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư giai đoạn 2017-2020 | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, xã hội hóa | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 200 | | |
| 4 | Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xác tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | 220 | 0 | 0 | |
| 4.1 | Xây dựng và in ấn tài liệu quảng bá thông tin về đầu tư: catalogue, bla sơ mi, tờ rơi, tập gấp về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và nhận bản địa phim giới thiệu về tỉnh | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2017 | x | | Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | | Các Sở ngành liên quan | | | 130 | | |
| 4.2 | Dịch thuật tài liệu sang tiếng Anh, Hàn, Nhật và in ấn tài liệu (mẫu) để phục vụ công tác xác tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2017 | x | | Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư | Công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ | Đối tác nước ngoài | | | TT D. vụ đối ngoại Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Q.Ngãi, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | 50 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 4.3 | Xây dựng, in ấn tóm tắt profile các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng các thứ tiếng Việt-Anh-Nhật-Hàn | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 6/2017 | x | | Giới thiệu chi tiết các dự án kêu gọi đầu tư tại tỉnh cung cấp cho nhà đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | | | | 40 | | |
| 5 | Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư. | | | | | | | | | | | 2.249 | 0 | 800 | | | |
| 5.1 | Phối hợp tổ chức đi xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 | | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng; cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Dịch vụ. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, phụ trợ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử | Nhật Bản | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | Tổ chức xúc tiến ngoại giao nhân dân Nhật Bản (FEC), JETRO | Công ty Hoàng Thạch Đạt | VSIP | | | 500 |
| 5.2 | Tham dự hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc | Quý IV /2017 | Bộ KH&ĐT. | Tháng 10/2017 | | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng; cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Lợi-hóa đầu. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, công nghiệp nặng gắn với cảng nước sâu; hàng tiêu dùng | Hàn Quốc | | Sở KH và ĐT; BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | KOTRA | Cy Doosan, Vsp | | 250 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ cấu triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.3 | Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Quảng Ngãi năm 2017 | Quý II /2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 6/2017 | TP.Hồ Chí Minh | | Quảng bá điểm năng và kêu gọi đầu tư vào Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | KOTRA, JETRO | Công ty VSIP | 1.000 | | | 200 |
| 5.4 | Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh. | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cuối tháng 4/2017 | Quảng Ngãi | | Phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh và giải pháp cải thiện | | | | VCCI và các đơn vị liên quan | | | 131 | | | |
| 5.5 | Tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư trong nước để kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM.... | | Tiếp xúc trực tiếp để mời gọi đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành liên quan | | VSIP | 86 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Kịch đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.6 | Tham dự diễn đàn M&A 2017 | Quý III /2017 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2017 | TP.Hồ Chí Minh | | Xúc tiến, mời gọi đầu tư vào tỉnh | Xây dựng, dịch vụ, thương mại | TP.Hồ Chí Minh | | Sở Kế hoạch và Đầu tư, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 50 | | |
| 5.7 | Tham dự Hội nghị XTĐT Hàn Quốc vào khu vực miền Trung - Tây Nguyên | Quý I/2017 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3/2017 | Đà Nẵng | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Năng lượng, may mặc | Hàn Quốc | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | VSIP | 10 | | | |
| 5.8 | Tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các diễn đàn, sự kiện, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, hội chợ trong nước về công tác xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III và IV/2017 | Các tỉnh thành trong nước | | Giới thiệu các thông tin về tình hình đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành trong tỉnh | JETRO, KOTRA | VSIP | 122 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kèm gọi đầu tư | Địa bàn/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|----------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Nguồn sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.9 | Quảng bá thông tin đầu tư Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Quảng bá thông tin, hình ảnh về tỉnh Quảng Ngãi | Hạ tầng, công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ, du lịch, Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Đài PTTH tỉnh, các Báo: Đầu tư, Diễn đàn doanh nghiệp, Công thương | JETRO, KOTRA | | | 500 | | 100 |
| 5.10 | Mua quà tặng, đồ lưu niệm, logo quảng bá phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Phục vụ công tác XTĐT và làm quà tặng cho đối tác, nhà đầu tư... | | Trong và ngoài nước | | | | | | 100 | | |
| 6 | Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 180 | 0 | 0 | | | |
| 6.1 | Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tăng cường về công tác quản lý và xúc tiến đầu tư | Quý II và III /2017 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 7 và 9/2017 | Quảng Ngãi | | Nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ | | | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 120 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Nghành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 6.2 | Tổ chức Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm và công tác xúc tiến đầu tư | Quý III /2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2019 | x | | Học hỏi kinh nghiệm | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 60 | | |
| 7 | Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ triển khai các dự án trước và sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư | | | | | | | | | | | 331 | 0 | 0 | | | | |
| 7.1 | Tổ chức đón, tiếp, đưa đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh tham kiểm cơ hội đầu tư, đi khảo sát, giới thiệu địa điểm | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, giới thiệu địa điểm | Tất cả các lĩnh vực | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 275 | | |
| 7.2 | Triển khai hoạt động "Cà phê doanh nhân" | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01 lần /tháng | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | x | | | 24 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/Nhà vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/tỉnh/vùng kêu gọi đầu tư | Cơ chế triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/cơ quan trong nước | Tổ chức/cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTOY Quốc gia | Khác (thì trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 7.3 | Tổ chức hội nghị thảo luận giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp (02 lần) | Quý II và IV/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2017 và tháng 9/2017 | | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | | 32 | | |
| 8 | Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | 50 | 0 | 0 | | |
| 8.1 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác với các tỉnh Nam Lào | Quý III /2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 9/2017 | | | Củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh Nam Lào | Nông nghiệp, du lịch | Lào | | Sở Ngoại vụ | | | | | 50 | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | 3.448 | 0 | 800 | |

PHỤ LỤC 3.2

BẢNG TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG XÁC TIẾN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| STT | Loại hoạt động xác tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Loại hình/Nhà máy của hoạt động | Khu vực/ Tỉnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư | | | | | | | | | | | 45 | 0 | 0 | | | | |
| 1.1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý I/2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3/2018 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, may mặc, điện tử | Singapore | | | | VSIP | | | 22 | | |
| 1.2 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý II/2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2018 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nặng, điện tử, hạ tầng logistics | Đài Loan | | | | | | | 23 | | |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xác tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 80 | 0 | 0 | | | | |
| 2.1 | Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thông tin qua website Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thuê webhosting lưu trữ thông tin website riêng của Trung tâm. | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật thông tin về chính sách, môi trường đầu tư, tiềm năng lợi thế, các thông tin về tình hình đầu tư. | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Các nhà đầu tư trong và ngoài nước | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 80 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cầu cử triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XFTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 3 | Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 20 | 0 | 0 | |
| 3.1 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư năm 2018 | Quý I/2018 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3/2018 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch | | | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | 20 | | |
| 4 | Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 160 | 0 | 0 | |
| 4.1 | Cập nhật và in ấn tư liệu quảng bá thông tin về đầu tư: catalogue, bla sơ mi và nhân bản đĩa phim giới thiệu về tỉnh | Quý II/2018 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2018 | x | | Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | | | | | Các Sở ngành liên quan | 130 | | |
| 4.2 | Dịch thuật tài liệu sang tiếng Anh, Hàn, Nhật để phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2018 | x | | Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư | Công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ | Đối tác nước ngoài | | | | | | TT D.vụ đối ngoại Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Q.Ngãi, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | 30 | | |
| 5 | Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư. | | | | | | | | | | | | | | 1.600 | 0 | 500 | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|----------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.1 | Phối hợp tổ chức đi xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài | Quý II/2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2018 | | Singapore | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Điện khí. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử | Singapore | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | VSTP | 250 | | 300 |
| 5.2 | Tham dự hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc | Quý IV /2018 | Bộ KH&ĐT, | Tháng 11/2018 | | Hàn Quốc | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Lạc-hóa đầu. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, công nghiệp nặng gắn với cảng nước sâu; hàng tiêu dùng | Hàn Quốc | | Sở KH và ĐT; BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | Cy Doosan, Vsp | 250 | | |
| 5.3 | Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Quảng Ngãi năm 2018 | Quý II /2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2018 | Quảng Ngãi | | Quảng bá tiềm năng và kêu gọi đầu tư vào Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | KOTRA, JETRO | Công ty VSTP | 400 | | 200 | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.4 | Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh. | Quý II/2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cuối tháng 4/2018 | Quảng Ngãi | | Phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh và giải pháp cải thiện | | | | VCCI và các đơn vị liên quan | | | | 130 | | |
| 5.5 | Tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư trong nước để kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM... | | Tiếp xúc trực tiếp để mời gọi đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành liên quan | | VSIP | | 90 | | |
| 5.6 | Tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các diễn đàn, sự kiện, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, hội chợ trong nước và công tác xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III và IV/2018 | Các tỉnh thành trong nước | | Giới thiệu tín về tình hình đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành trong tỉnh | JETRO, KOTRA | VSIP | 130 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực liên quan gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng liên gọi đầu tư | Chiến lược triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Đơn vị nghiệp vụ | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XĐTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.7 | Quảng bá thông tin đầu tư Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Quảng bá thông tin, hình ảnh về tình hình Quảng Ngãi | Hạ tầng, công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ, du lịch, Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Đài PTTH tỉnh, các Báo: Đầu tư, Diễn đàn doanh nghiệp, Công thương | JETRO, KOTRA | | | 300 | | |
| 5.8 | Mua quà tặng, đồ lưu niệm, logo quảng bá phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Phục vụ công tác XĐTĐT và làm quà tặng cho đối tác, nhà đầu tư,... | | Trong và ngoài nước | | | | | | 50 | | |
| 6 | Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 120 | 0 | 0 | | | |
| 6.1 | Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tăng cường về công tác quản lý và xúc tiến đầu tư | Quý II và III /2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 7 và 9/2018 | | Đà Nẵng | Nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ | | | | TT XĐTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 120 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 7 | Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ triển khai các dự án trước và sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư | | | | | | | | | | | 350 | 0 | 0 | | | |
| 7.1 | Tổ chức đón, tiếp, đưa đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh tìm kiếm cơ hội đầu tư, đi khảo sát, giới thiệu địa điểm | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, giới thiệu địa điểm | Tất cả các lĩnh vực | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 290 | | |
| 7.2 | Triển khai hoạt động "Cà phê doanh nhân" | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | 01 lần /tháng | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | x | | | 25 | | |
| 7.3 | Tổ chức hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp (02 lần) | Quý II và IV/2018 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 6/2018 và tháng 12/2018 | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 35 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 8 | Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 50 | 0 | 0 | | | |
| 8.1 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác với các tỉnh của Nhật Bản | Quý III /2018 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 9/2018 | | | Củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh tỉnh Nam Lào | Nông nghiệp, du lịch | Nhật Bản | | Sở Ngoại vụ | | | | 50 | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | 2.425 | 0 | 500 | | | | |

PHỤ LỤC 3.3
BẢNG TỔNG HỢP CÁC HOẠT ĐỘNG XÁC TIẾN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2019
 (Kèm theo Quyết định phê duyệt và ban hành ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



| STT | Loại hoạt động xác tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm thực hiện | | | Gần/linh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|---|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | Động | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| 1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư | | | | | | | | | | | 25 | 0 | 0 | | | |
| 1.1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý II/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2019 | x | | Phục vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, máy móc, điện tử | Hàn Quốc | | | KOTRA | | | 25 | | |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xác tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 130 | 0 | 0 | | | |
| 2.1 | Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thông tin qua website Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thuê webhosting lưu trữ thông tin website riêng của Trung tâm. | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật thông tin về chính sách, môi trường đầu tư, tiềm năng lợi thế, các thông tin về tình hình đầu tư. | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Các nhà đầu tư trong và ngoài nước | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 80 | | |
| 2.2 | Cập nhật thông tin bổ sung vào bộ cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xác tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật các thông tin về tiềm năng, lợi thế, chính sách ưu đãi, chi phí đầu tư của KKT Dung Quất | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh và các đơn vị liên quan | | | 50 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 3 | Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư | | | | | | | | | | 25 | 0 | 0 | | | | |
| 3.1 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư năm 2019 | Quý II/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2019 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hệ thống, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 25 | 0 | 0 |
| 4 | Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | 200 | 0 | 0 | | | | |
| 4.1 | Xây dựng và in ấn tư liệu quảng bá thông tin về đầu tư: catalogue, bla sơ mi, túi xách, tờ rơi, tập gấp về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và nhân bản địa phin giới thiệu về tỉnh | Quý II/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2019 | x | | Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | | | | 130 | | |
| 4.2 | Dịch thuật tài liệu sang tiếng Anh, Hàn, Nhật để phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2019 | x | | Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư | Công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ | Đối tác nước ngoài | | TT D.vụ đối ngoại Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Q.Ngãi, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 30 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cầu cử triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (BVT: triệu đồng) | | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|-----|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (BVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 4.3 | Xây dựng, in ấn tóm tắt profile các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư bằng các thứ tiếng Việt-Anh-Nhật-Hàn | Quý II/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 6/2019 | x | | Giới thiệu chi tiết các dự án kêu gọi đầu tư tại tỉnh cùng cấp cho nhà đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | | Các Sở ngành liên quan | | | 40 | | | |
| 5 | Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư. | | | | | | | | | | | | | 1.815 | 0 | 500 | | |
| 5.1 | Phối hợp tổ chức đi xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài | Quý II/2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 6/2019 | | Nhật Bản | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Điện khí. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, phụ trợ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử | Nhật Bản | | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | Tổ chức xúc tiến ngoại giao nhằm dân Nhật Bản (FEC), JETRO | VSPJ | 300 | | 300 |
| 5.2 | Tham dự hội nghị xúc tiến đầu tư tại Trung Quốc | Quý IV /2019 | Bộ KH&ĐT, | Tháng 10/2019 | | Trung Quốc | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Lạc-hóa dân. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, công nghiệp nặng gắn với các nước sâu; hàng tiêu dùng | Trung Quốc | | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | | 250 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu tư tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (BVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (DVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.3 | Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Quảng Ngãi năm 2019 | Quý II /2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cuối tháng 5/2017 | Hà Nội | | Quảng bá tiềm năng và kêu gọi đầu tư vào Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | KOTRA, JETRO | Công ty Hoàng Thổjub Đạt | Công ty VSIP | 500 | | 200 |
| 5.4 | Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh. | Quý II/2017 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cuối tháng 4/2017 | Quảng Ngãi | | Phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh và giải pháp cải thiện | | | | VCCI và các đơn vị liên quan | | | | 150 | | |
| 5.5 | Tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư trong nước để kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM... | | Tiếp xúc trực tiếp để mời gọi đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành liên quan | | | VSIP | 95 | | |
| 5.6 | Tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các diễn đàn, sự kiện, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, hội chợ trong nước về công tác xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III và IV/2017 | Các tỉnh thành trong nước | | Giới thiệu các thông tin về tình hình đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành trong tỉnh | JETRO, KOTRA | | VSIP | 150 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cán bộ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.7 | Quảng bá thông tin đầu tư Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Quảng bá thông tin, hình ảnh về tỉnh Quảng Ngãi | Hạ tầng, công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ, du lịch, Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Đài PTTH tỉnh, các Báo: Đầu tư, Diễn đàn doanh nghiệp, Công thương | JETRO, KOTRA | | | 300 | | |
| 5.8 | Mua quà tặng, đồ lưu niệm, logo quảng bá phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Phục vụ công tác XTĐT và làm quà tặng cho đối tác, nhà đầu tư.... | | Trong và ngoài nước | | | | | | 70 | | |
| 6 | Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | 180 | 0 | 0 | |
| 6.1 | Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tăng cường về công tác quản lý và xúc tiến đầu tư | Quý II và III /2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 7 và 9/2019 | | Quảng Ngãi | Nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ | | | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 120 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Căn cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (thị trợ) | |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | |
| 6.2 | Tổ chức Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác xúc tiến đầu tư | Quý III /2019 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2019 | x | | Học hỏi kinh nghiệm | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 60 | | |
| 7 | Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ triển khai các dự án trước và sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 370 | 0 | 0 | |
| 7.1 | Tổ chức đón, tiếp, đưa đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh tìm kiếm cơ hội đầu tư, đi khảo sát, giới thiệu địa điểm | Thường xuyên trong năm | Sơ Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, giới thiệu địa điểm | Tất cả các lĩnh vực | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 300 | | |
| 7.2 | Triển khai hoạt động "Cà phê doanh nhân" | Thường xuyên trong năm | Sơ Kế hoạch và Đầu tư | 01 lần /tháng | | Quảng Ngãi | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | x | | | 30 | | |
| 7.3 | Tổ chức hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp (02 lần) | Quý II và IV/2019 | Sơ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2019 và tháng 11/2019 | | Quảng Ngãi | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | | 40 | | |
| 8 | Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 60 | 0 | 0 | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 2.1 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác với các tỉnh của Hàn Quốc | Quý III /2019 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 8/2019 | | | Củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh Nam Lào | Nông nghiệp, du lịch | Hàn Quốc | | Sở Ngoại vụ | | | | 60 | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | 2.845 | 0 | 504 | |

PHỤ LỤC 3.4

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐANG XÁC TIẾN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| STT | Loại hoạt động xác tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Vị trí địa lý | | | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Ngoài nước | Vùng/ tỉnh/ địa phương của hoạt động | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư | | | | | | | | | | | 55 | 0 | 0 | | | |
| 1.1 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thị trường trọng điểm | Quý II/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2020 | x | | Thực vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp năng, điện tử, hạ tầng logistics | Nhật Bản | | | JETRO | | | 25 | | |
| 1.2 | Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, xu hướng và đối tác đầu tư trong nước | Quý II /2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2020 | | | Thực vụ xây dựng chương trình XTĐT của tỉnh | Phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch | TP, HCM, Hà Nội, Bình Dương, Đà Nẵng | | | TT XTĐT Miền Trung | | | 30 | | |
| 2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xác tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 140 | 0 | 0 | | | |
| 2.1 | Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá thông tin qua website Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thuê webhosting lưu trữ thông tin website tiếng của Trung tâm. | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật thông tin về chính sách, môi trường đầu tư, tiềm năng lợi thế, các thông tin về tình hình đầu tư. | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Các nhà đầu tư trong và ngoài nước | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 80 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 2.2 | Cập nhật thông tin bổ sung vào bộ cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Cập nhật các thông tin về tiềm năng, lợi thế, chính sách ưu đãi, chỉ phí đầu tư của KKT Dung Quất | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh và các đơn vị liên quan | | | 60 | | | |
| 3 | Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư | | | | | | | | | | | 30 | 0 | 0 | | | |
| 3.1 | Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư năm 2020 | Quý II/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2020 | x | | Giới thiệu và cung cấp cho nhà đầu tư | Hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 30 | | | |
| 4 | Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | 180 | 0 | 0 | | | |
| 4.1 | Xây dựng và in ấn tài liệu quảng bá thông tin về đầu tư catalogue, bla sơ mi và nhân bản đĩa phim giới thiệu về tỉnh | Quý II/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 5/2020 | x | | Quảng bá, giới thiệu tiềm năng, môi trường đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | | | 130 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/Nhà vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cấp cơ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (thí trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 4.2 | Dịch thuật tài liệu sang tiếng Anh, Hàn, Nhật để phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý II/2020 | x | | Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư | Công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ | Đối tác nước ngoài | | TT D.vụ đối ngoại Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Q.Ngãi, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | 50 | | | |
| 5 | Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư. | | | | | | | | | | | | 2.200 | 0 | 500 | | |
| 5.1 | Phối hợp tổ chức đi xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài | Quý II/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2020 | | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Điện khí. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, phụ trợ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử | Nhật Bản | | BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | Tổ chức xúc tiến ngoại giao nhân dân Nhật Bản (FEC), JETRO | Công ty Hoàng Thịnh Đạt | VSIP | 400 | | 300 |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cầu cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|----------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XFTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.2 | Tham dự hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc | Quý IV /2017 | Bộ KH&ĐT, | Tháng 10/2017 | | Hàn Quốc | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Hạ tầng: cảng biển, khu công nghiệp và đô thị. Lục-bán đầu. Công nghiệp: cơ khí chế tạo, công nghiệp nặng gắn với cảng nước sâu; hàng tiêu dùng | Hàn Quốc | | Sở KH và ĐT; BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | KOTRA | | Cy Doosan, Vsp | 250 | | |
| 5.3 | Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Quảng Ngãi năm 2020 | Quý II /2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Cuối tháng 5/2020 | TP.Hồ Chí Minh | | Quảng bá tiềm năng và kêu gọi đầu tư vào Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Các Sở ngành liên quan | KOTRA, JETRO | | Công ty VSIP | 600 | | 200 |
| 5.4 | Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và giải pháp cải thiện chỉ số PCI của tỉnh. | Quý II/2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2020 | Quảng Ngãi | | Phân tích đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh và giải pháp cải thiện | | | | VCCI và các đơn vị liên quan | | | | 160 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mức độ/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cần có triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.5 | Tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư trong nước để kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM... | | Tiếp xúc trực tiếp để mời gọi đầu tư | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành liên quan | | VSTP | 100 | | | |
| 5.6 | Tham dự Hội nghị XTĐT Hàn Quốc vào khu vực miền Trung - Tây Nguyên | Quý I/2020 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3/2020 | Đà Nẵng | | Quảng bá, gặp gỡ, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào tỉnh | Năng lượng, may mặc | Hàn Quốc | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | VSTP | 10 | | | |
| 5.7 | Tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các diễn đàn, sự kiện, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, hội chợ trong nước về công tác xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Quý III và IV/2020 | Các tỉnh thành trong nước | | Giới thiệu các thông tin về tình hình đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi | Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | Các Sở ngành trong tỉnh | JETRO, KOTRA | VSTP | 180 | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngày/ Tháng/ năm/ vùng kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cần cứ triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Klub phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|---------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 5.8 | Quảng bá thông tin đầu tư Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Quảng bá thông tin, hình ảnh về tỉnh Quảng Ngãi | Hạ tầng, công nghiệp nặng, thương mại, dịch vụ, du lịch, Công nghiệp, hạ tầng cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Trong và ngoài nước | | Đài PTTH tỉnh, các Báo: Đầu tư, Diễn đàn doanh nghiệp, Công thương | JETRO, KOTRA | | | 400 | | |
| 5.9 | Mua quà tặng, đồ lưu niệm, logo quảng bá phục vụ công tác xúc tiến đầu tư | Thường xuyên trong năm | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Phục vụ công tác XTĐT và làm quà tặng cho đối tác, nhà đầu tư,... | | Trong và ngoài nước | | | | | | 100 | | |
| 6 | Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | | | | | 120 | 0 | 0 |
| 6.1 | Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, tăng cường về công tác quản lý và xúc tiến đầu tư | Quý II và III /2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 7 và 9/2020 | Quảng Ngãi | | Nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ | | | | TT XTĐT Miền Trung, BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh | | | | 120 | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/Nội dung của hoạt động | Ngành/liên vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cần có triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (ĐVT: triệu đồng) | | |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------|------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------|------------|----------------------------------|----------------------------|----------------|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Nghĩa sách cấp (ĐVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (Chỉ trợ) |
| | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | |
| 7 | Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; hỗ trợ triển khai các dự án trước và sau khi được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư | | | | | | | | | | 400 | 0 | 0 | | | | |
| 7.1 | Tổ chức đón, tiếp, đưa đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh tìm kiếm cơ hội đầu tư, đi khảo sát, giới thiệu địa điểm | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | Thường xuyên trong năm | x | | Hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, giới thiệu địa điểm | Tất cả các lĩnh vực | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 320 | | | |
| 7.2 | Triển khai hoạt động "Cà phê doanh nhân" | Thường xuyên trong năm | Số Kế hoạch và Đầu tư | 01 lần /tháng | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | x | | 35 | | | |
| 7.3 | Tổ chức hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp (02 lần) | Quý II và IV/ 2020 | Số Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 4/2020 và tháng 9/2020 | Quảng Ngãi | | Lắng nghe doanh nghiệp phản ánh các khó khăn, vướng mắc | | | | Các đơn vị liên quan của tỉnh | | | 45 | | | |
| 8 | Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư | | | | | | | | | | 65 | 0 | 0 | | | | |

| STT | Loại hoạt động xúc tiến đầu tư | Thời gian tổ chức | Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện | Thời gian tổ chức thực hiện | Địa điểm tổ chức | | Mục đích/ Nội dung của hoạt động | Ngành/ Lĩnh vực kêu gọi đầu tư | Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư | Cơ sở triển khai hoạt động | Đơn vị phối hợp | | | | Kinh phí (BVT: triệu đồng) | | | |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--|---------------------------------|----------------------------|----------------|--|
| | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | Tổ chức/ cơ quan trong nước | Tổ chức/ cơ quan nước ngoài | Doanh nghiệp | | Ngân sách cấp (BVT: triệu đồng) | Chương trình XTĐT Quốc gia | Khác (tài trợ) | |
| | | | | | | | | | | | Trong nước | Nước ngoài | | | | | | |
| 8.1 | Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư theo chương trình hợp tác với các tỉnh Nam Lào | Quý III /2020 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 9/2020 | | | Củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh Nam Lào | Nông nghiệp, du lịch | Lào | | Sở Ngoại vụ | | | | | 65 | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | 3.190 | 0 | 500 | |